

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

Số: 69/2005/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2005

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2001/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Hợp tác xã số 18/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 20/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

NGHỊ ĐỊNH:

của Nghị định số 48/2001/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân:

1. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân

1. Tự nguyện: mọi cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân và các đối tượng khác có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định này đều có thể trở thành thành viên Quỹ tín dụng nhân dân; thành viên có quyền ra khỏi Quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều

2. Dân chủ, bình đẳng và công khai:

thành viên Quỹ tín dụng nhân dân có quyền tham gia quản lý, kiểm tra, giám sát Quỹ tín dụng nhân dân và có quyền ngang nhau trong biểu quyết.

3. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm và cùng có lợi: Quỹ tín dụng nhân dân tự chủ và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của mình; tự quyết định về phân phối thu nhập. Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ nộp thuế và trang trải các khoản lỗ của Quỹ tín dụng nhân dân, lãi được trích một phần vào các quỹ của Quỹ tín dụng nhân dân, một phần chia theo vốn góp và công sức đóng góp của thành viên, phần còn lại chia cho thành viên theo mức độ sử dụng dịch vụ của Quỹ tín dụng nhân dân.

4. Hợp tác và phát triển cộng đồng: thành viên phải phát huy tinh thần xây dựng tập thể và hợp tác với nhau trong Quỹ tín dụng nhân dân, trong cộng đồng xã hội; hợp tác giữa các Quỹ tín dụng nhân dân ở trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật."

2. Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 7. Quyền của Quỹ tín dụng nhân dân

1. Được huy động vốn, cho vay vốn và thực hiện các dịch vụ ngân hàng khác theo giấy phép hoạt động; có quyền tự chủ kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của mình.

2. Nhận vốn tài trợ của Nhà nước, của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

3. Yêu cầu người vay cung cấp các tài liệu về tài chính, sản xuất, kinh doanh liên quan đến khoản vay.

4. Được tuyển chọn, sử dụng, đào tạo lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng và thực hiện các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật.

5. Kết nạp thành viên mới, giải quyết việc thành viên ra khỏi Quỹ tín dụng nhân dân, khai trừ thành viên theo quy định của Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân.

6. Quyết định phân phối thu nhập, quản lý các khoản lỗ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân.

7. Quyết định khen thưởng và xử phạt đối với thành viên.

8. Từ chối yêu cầu của các tổ chức, cá nhân trái với quy định của pháp luật.

9. Khiếu nại, khởi kiện các hành vi vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của Quỹ tín dụng nhân dân.

10. Thực hiện các quyền khác có liên quan theo quy định của pháp luật."

3. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 8. Nghĩa vụ của Quỹ tín dụng nhân dân

1. Hoạt động kinh doanh theo giấy phép được cấp; chấp hành các quy định của Nhà nước về tiền tệ, tín dụng và dịch vụ ngân hàng.

2. Thực hiện đúng quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và kiểm toán.

3. Bảo toàn và phát triển vốn hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân; quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản được giao.

4. Có trách nhiệm hoàn trả các khoản tiền gửi, các khoản đi vay và các khoản nợ khác theo đúng kỳ hạn; chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính trong phạm vi vốn điều lệ, vốn tích lũy và các nguồn vốn khác của Quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của pháp luật.

5. Nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

6. Tham gia tổ chức liên kết phát triển hệ thống nhằm mục tiêu xây dựng Quỹ tín dụng nhân dân và cả hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân an toàn, hiệu quả, phát triển bền vững.

7. Chăm lo giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cung cấp thông tin để mọi thành viên tích cực tham gia xây dựng và quản lý Quỹ tín dụng nhân dân.

8. Bảo đảm các quyền lợi của thành viên và thực hiện các cam kết kinh tế đối với thành viên.

9. Thực hiện hợp đồng lao động; tôn trọng danh dự, nhân phẩm của người lao động.

10. Đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho cán bộ, nhân viên (hoặc người lao động) làm việc thường xuyên, có hưởng lương tại Quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân phù hợp với quy định của pháp luật về bảo hiểm. Mức tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc phải được báo cáo thông qua Đại hội thành viên và đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về lao động tỉnh - thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở của Quỹ tín dụng nhân dân.

11. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật."

4. Điều 10 được sửa đổi như sau:

"Điều 10. Chính sách Nhà nước đối với Quỹ tín dụng nhân dân

1. Nhà nước thống nhất quản lý hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân, xây dựng hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân đủ sức đáp ứng nhu cầu vốn và dịch vụ cho các thành viên của Quỹ tín dụng nhân dân, góp phần thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia, bảo đảm an toàn hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân, bảo vệ lợi ích hợp pháp của người gửi tiền.

2. Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu, quyền và lợi ích hợp pháp khác trong hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân

nhằm tạo điều kiện cho các thành viên tương trợ nhau trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và cải thiện đời sống.”

5. Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 11. Sáng lập viên

1. Sáng lập viên là các cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân và các đối tượng khác khởi xướng việc thành lập Quỹ tín dụng nhân dân và gia nhập Quỹ tín dụng nhân dân.

2. Sáng lập viên Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở phải báo cáo bằng văn bản với Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền được quy định tại Điều 67, Điều 68 của Nghị định này về việc thành lập, địa điểm đóng trụ sở, phương hướng và kế hoạch hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

3. Sau khi được Ủy ban nhân dân có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản, sáng lập viên xúc tiến các công việc:

- a) Dự thảo Điều lệ;
- b) Xây dựng phương hướng hoạt động;
- c) Tổ chức tuyên truyền, vận động;
- d) Chuẩn bị các công việc khác để tổ chức hội nghị thành lập.

4. Đối với Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương sẽ có quy định riêng.”

6. Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 12. Hội nghị thành lập

1. Hội nghị thành lập Quỹ tín dụng nhân dân do các sáng lập viên tổ chức. Thành phần tham gia hội nghị bao gồm các sáng lập viên, các cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân và các đối tượng khác có nguyện vọng trở thành thành viên Quỹ tín dụng nhân dân.

2. Hội nghị thảo luận và biểu quyết theo đa số các vấn đề sau đây:

- a) Thông qua danh sách thành viên;
- b) Thông qua tên và biểu tượng Quỹ tín dụng nhân dân;
- c) Thông qua dự thảo Điều lệ và nội quy hoạt động Quỹ tín dụng nhân dân;
- d) Thông qua mức vốn điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân, mức vốn góp của thành viên;
- đ) Thông qua phương án hoạt động;
- e) Quyết định việc thành lập riêng hay không thành lập riêng bộ máy quản lý và bộ máy điều hành Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

Đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở thành lập một bộ máy vừa quản lý vừa điều hành thì bầu Hội đồng quản trị và Giám đốc; Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản

trị; quyết định số lượng Phó Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

Đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở thành lập riêng bộ máy quản lý và bộ máy điều hành thì bầu Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số thành viên Hội đồng quản trị; quyết định việc lựa chọn Giám đốc là thành viên Quỹ tín dụng nhân dân hoặc thuê Giám đốc (là người ngoài Quỹ tín dụng nhân dân); quyết định số lượng Phó Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở;

g) Bầu Ban kiểm soát và Trưởng Ban kiểm soát trong số thành viên của Ban kiểm soát;

h) Thông qua biên bản Hội nghị thành lập Quỹ tín dụng nhân dân."

7. Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 13. Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân

1. Mỗi Quỹ tín dụng nhân dân có Điều lệ riêng. Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân phải phù hợp với các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Hợp tác xã và các quy định khác của pháp luật.

2. Điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân phải có những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên Quỹ tín dụng nhân dân và nơi đặt trụ sở chính;

b) Nội dung và phạm vi hoạt động;

c) Thời hạn hoạt động;

d) Vốn điều lệ và phương thức góp vốn;

đ) Cơ cấu tổ chức Quỹ tín dụng nhân dân; nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và Ban kiểm soát;

e) Thể thức tiến hành Đại hội thành viên và thông qua quyết định của Đại hội thành viên;

g) Quyền và nghĩa vụ của thành viên;

h) Các nguyên tắc tài chính, kế toán, kiểm tra, kiểm soát và kiểm toán nội bộ;

i) Nguyên tắc và đối tượng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc;

k) Nguyên tắc trả lương, phụ cấp và thù lao công vụ, xử lý các khoản lỗ, chia lãi theo vốn góp, theo công sức đóng góp của thành viên và theo mức độ sử dụng dịch vụ của Quỹ tín dụng nhân dân; trích lập, quản lý và sử dụng các quỹ của Quỹ tín dụng nhân dân;

l) Thể thức quản lý, sử dụng, bảo toàn và xử lý phần tài sản chung, vốn tích lũy của Quỹ tín dụng nhân dân khi Quỹ tín dụng nhân dân đang hoạt động và khi Quỹ tín dụng nhân dân giải thể;

m) Các trường hợp và thủ tục về chia tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, giải thể, phá sản;

n) Thủ tục sửa đổi Điều lệ;

o) Các quy định khác do đại hội thành

viên tự quyết định nhưng không trái với quy định của pháp luật.

3. Điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân chỉ được thực hiện sau khi được Ngân hàng Nhà nước chuẩn y.”

8. Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 14. Điều kiện để được cấp giấy phép thành lập và hoạt động

1. Có nhu cầu hoạt động ngân hàng trên địa bàn xin hoạt động; được sự chấp thuận của chính quyền địa phương về việc thành lập Quỹ tín dụng nhân dân.

2. Có vốn pháp định theo quy định của Chính phủ.

3. Thành viên sáng lập là cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân và các đối tượng khác có uy tín và có khả năng góp vốn để thành lập Quỹ tín dụng nhân dân.

4. Người quản trị, điều hành có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và các tiêu chuẩn về đạo đức, trình độ, năng lực chuyên môn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

5. Có Điều lệ phù hợp với quy định tại Điều 13 Nghị định này.

6. Có phương án hoạt động khả thi.”

9. Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 17. Những thay đổi phải được chấp thuận

1. Quỹ tín dụng nhân dân phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thay đổi một trong những điểm sau đây:

a) Tên của Quỹ tín dụng nhân dân;

b) Tăng, giảm vốn điều lệ vượt mức quy định của Ngân hàng Nhà nước;

c) Địa điểm đặt trụ sở chính, sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện;

d) Nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động;

đ) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc).

2. Sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận, Quỹ tín dụng nhân dân phải đăng ký với cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về những thay đổi quy định tại khoản 1 Điều này và phải đăng báo Trung ương (đối với Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương), báo địa phương (đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở) theo quy định của pháp luật về các nội dung quy định tại các điểm a, c, d khoản 1 Điều này.”

10. Điều 21 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 21. Điều kiện trở thành thành viên

1. Thành viên Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở bao gồm:

a) Cá nhân là công dân Việt Nam từ

đủ 18 tuổi trở lên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, cư trú, làm việc hoặc sản xuất kinh doanh hợp pháp trên địa bàn hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân. Các cá nhân không đủ các điều kiện nói trên hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, cá nhân đang phải chấp hành hình phạt tù, cá nhân bị Tòa án tước quyền hành nghề do vi phạm các tội theo quy định của pháp luật và cá nhân đang trong thời gian chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh không được tham gia thành viên Quỹ tín dụng nhân dân;

b) Cán bộ, công chức (trừ sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp trong các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân không được là thành viên Quỹ tín dụng nhân dân) có đủ các điều kiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Cán bộ, công chức không trực tiếp tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát và các chức danh nghiệp vụ chuyên môn của Quỹ tín dụng nhân dân;

c) Hộ gia đình mà các thành viên trong hộ có cùng tài sản chung để hoạt động kinh tế như: diện tích đất đang sử dụng vào sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; những tài sản cố định khác phục vụ sản xuất, kinh doanh của hộ gia đình. Khi tham gia thành viên Quỹ tín dụng nhân dân, hộ gia đình phải cử người đại diện (có giấy ủy quyền) có đủ các điều kiện như đối với cá nhân quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và

theo quy định của Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân. Khi muốn thay đổi người đại diện, hộ gia đình phải có đơn đề nghị Hội đồng quản trị xem xét quyết định;

d) Pháp nhân là tổ chức, cơ quan (trừ quỹ xã hội, quỹ từ thiện) theo quy định của pháp luật; các pháp nhân nói trên phải có trụ sở chính đóng trên địa bàn hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân. Người đứng tên trong đơn xin gia nhập Quỹ tín dụng nhân dân phải là đại diện theo pháp luật của pháp nhân. Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân có thể ủy quyền cho cá nhân khác là người trong bộ máy lãnh đạo của pháp nhân làm đại diện tham gia Quỹ tín dụng nhân dân;

đ) Các đối tượng khác do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định.

2. Thành viên Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương bao gồm:

a) Các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở;

b) Các tổ chức tín dụng;

c) Các đối tượng khác do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định.

Các đối tượng nói trên nếu là pháp nhân, khi tham gia Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương phải cử đại diện hợp pháp tham gia thành viên.

3. Các đối tượng quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này có đơn xin gia nhập, tán thành Điều lệ, góp đủ vốn

theo quy định đều có thể trở thành thành viên Quỹ tín dụng nhân dân”.

11. Điều 22 sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 22. Quyền của thành viên

1. Được dự Đại hội thành viên hoặc bầu đại biểu dự Đại hội thành viên, dự các cuộc họp thành viên để bàn bạc và biểu quyết những công việc của Quỹ tín dụng nhân dân.

2. Được ứng cử, bầu cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các chức danh được bầu khác của Quỹ tín dụng nhân dân, trừ thành viên là cán bộ, công chức.

3. Được gửi tiền, vay vốn, chia lãi theo vốn góp và theo mức độ sử dụng dịch vụ của Quỹ tín dụng nhân dân.

4. Được hưởng thụ các phúc lợi xã hội chung của Quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của pháp luật.

5. Được khen thưởng khi có nhiều đóng góp trong việc xây dựng và phát triển Quỹ tín dụng nhân dân.

6. Được cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân.

7. Được đề đạt, phản ánh, kiến nghị những vấn đề liên quan đến hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân và yêu cầu được trả lời; yêu cầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập Đại hội thành

viên bất thường để giải quyết những vấn đề cấp thiết.

8. Được chuyển nhượng vốn góp và các quyền lợi, nghĩa vụ của mình cho người khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân.

9. Được quyền xin ra Quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân.

10. Trong điều kiện Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động có lãi và việc rút vốn của thành viên không ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân thì thành viên được trả lại vốn góp và các quyền lợi khác theo quy định của Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân và pháp luật có liên quan.

11. Thành viên không thuộc đối tượng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc có thể được tham gia đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện ở Quỹ tín dụng nhân dân nếu Quỹ tín dụng nhân dân có điều kiện và Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân có quy định việc đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện cho thành viên”.

12. Điều 24 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 24. Chấm dứt tư cách thành viên

1. Tư cách thành viên Quỹ tín dụng nhân dân sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

a) Thành viên là cá nhân bị chết, mất

tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; thành viên là hộ gia đình không có người đại diện đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ; thành viên là pháp nhân khi tổ chức đó bị giải thể, phá sản hoặc không có người đại diện đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ;

b) Thành viên đã được chấp nhận cho ra Quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của pháp luật và Điều lệ;

c) Thành viên đã chuyển hết vốn góp và các quyền lợi, nghĩa vụ của mình cho người khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ;

d) Thành viên bị Đại hội thành viên khai trừ;

đ) Các trường hợp khác do Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân quy định.

2. Khi chấm dứt tư cách thành viên, thành viên được chuyển nhượng vốn góp và quyền lợi, nghĩa vụ của mình cho người khác. Các trường hợp quy định tại điểm a, d khoản 1 Điều này và các thành viên đã được chấp nhận cho ra Quỹ tín dụng nhân dân do di chuyển nơi cư trú, nơi làm việc hoặc địa điểm sản xuất kinh doanh ra khỏi địa bàn hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân nếu không chuyển nhượng được vốn góp cho người khác thì được trả lại vốn góp; các trường hợp khác khi chấm dứt tư cách thành viên được trả lại vốn góp

theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Việc chuyển nhượng hoặc trả lại vốn góp đối với các trường hợp thành viên là cá nhân bị chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự và các thành viên là pháp nhân bị giải thể, phá sản được thực hiện theo quy định của pháp luật. Việc trả lại vốn góp phải căn cứ vào các yếu tố sau đây:

a) Thực trạng tài chính của Quỹ tín dụng nhân dân;

b) Đã xử lý xong các nghĩa vụ kinh tế của thành viên đối với Quỹ tín dụng nhân dân.”

13. Điều 25 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 25. Đại hội thành viên

Các quy định về Đại hội thành viên, số lượng đại biểu và biểu quyết trong Đại hội, thông báo triệu tập Đại hội thực hiện theo quy định của Luật Hợp tác xã và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.”

14. Điều 26 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 26. Nội dung Đại hội thành viên

Đại hội thành viên thảo luận và quyết định những vấn đề sau đây:

1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

2. Báo cáo công khai tài chính - kế toán, dự kiến phân phối lợi nhuận và xử lý các khoản lỗ (nếu có).

3. Phương hướng hoạt động kinh doanh năm tới.

4. Tăng, giảm vốn điều lệ; mức góp vốn của thành viên.

5. Quyết định việc thành lập riêng hay không thành lập riêng bộ máy quản lý và bộ máy điều hành theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 12 của Nghị định này.

6. Bầu, bãi miễn Chủ tịch Hội đồng quản trị (trong trường hợp thành lập riêng bộ máy quản lý và bộ máy điều hành), Giám đốc (trong trường hợp không thành lập riêng bộ máy quản lý và bộ máy điều hành), các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Trưởng ban kiểm soát.

7. Thông qua phương án do Hội đồng quản trị xây dựng về mức tiền lương, phụ cấp và thù lao công vụ cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) và các nhân viên làm việc tại Quỹ tín dụng nhân dân.

8. Thông qua danh sách kết nạp thành viên mới và cho thành viên ra khỏi Quỹ

tín dụng nhân dân do Hội đồng quản trị báo cáo; quyết định khai trừ thành viên.

9. Chia tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, giải thể Quỹ tín dụng nhân dân.

10. Sửa đổi Điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân.

11. Các đối tượng được Quỹ tín dụng nhân dân đóng bảo hiểm xã hội.

12. Những vấn đề khác do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc có ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên đề nghị.”

15. Điều 28 sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 28. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có chức năng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của pháp luật.

2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội thành viên quyết định, nhưng tối thiểu là 3 người; Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị do Đại hội thành viên bầu trực tiếp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên của Quỹ tín dụng nhân dân (cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của tổ chức) có phẩm chất đạo đức tốt, có tín nhiệm, có năng lực quản lý và hiểu biết về hoạt động ngân hàng. Thành viên Hội đồng quản trị không

được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, Thủ quỹ của Quỹ tín dụng nhân dân và không phải là cha, mẹ, vợ, chồng, con hoặc anh, chị, em ruột của họ.

4. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị do Đại hội thành viên quy định, nhưng tối thiểu là 2 năm và tối đa không quá 5 năm.

5. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Đại hội thành viên và trước pháp luật.

6. Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.”

16. Điều 31 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 31. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát là bộ máy giám sát và kiểm tra mọi hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân theo pháp luật và Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân.

2. Ban kiểm soát do Đại hội thành viên bầu trực tiếp. Ban kiểm soát có tối thiểu là 3 người, trong đó ít nhất phải có một kiểm soát viên chuyên trách. Đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở có quy mô hoạt động nhỏ có thể chỉ bầu một kiểm soát viên chuyên trách theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước. Nhiệm kỳ của

Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội thành viên về việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Thành viên Ban kiểm soát phải là thành viên của Quỹ tín dụng nhân dân. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng được các yêu cầu về tiêu chuẩn trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp do Ngân hàng Nhà nước quy định.

5. Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng, Thủ quỹ của Quỹ tín dụng nhân dân và không phải là cha, mẹ, vợ, chồng con hoặc anh, chị, em ruột của họ.”

17. Điều 32 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 32. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

1. Kiểm tra, giám sát Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động theo pháp luật.

2. Kiểm tra việc chấp hành điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân; nghị quyết Đại hội thành viên, nghị quyết Hội đồng quản trị. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc và thành viên Quỹ tín dụng nhân dân theo đúng pháp luật và Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân.

3. Kiểm tra về hoạt động tài chính, giám sát việc chấp hành chế độ kế toán,

phân phối thu nhập, xử lý các khoản lỗ, sử dụng các quỹ của Quỹ tín dụng nhân dân, sử dụng tài sản và các khoản hỗ trợ của Nhà nước; giám sát sự an toàn trong hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân, thực hiện kiểm toán nội bộ hoạt động từng thời kỳ, từng lĩnh vực nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh và thực trạng tài chính của Quỹ tín dụng nhân dân.

4. Tiếp nhận các khiếu nại, tố cáo có liên quan đến hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân; giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật và điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân.

5. Trưởng Ban hoặc đại diện Ban kiểm soát được tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị nhưng không tham gia biểu quyết.

6. Yêu cầu những người có liên quan trong Quỹ tín dụng nhân dân cung cấp tài liệu, sổ sách chứng từ và những thông tin cần thiết khác để phục vụ cho công tác kiểm tra, nhưng không được sử dụng các tài liệu, thông tin đó vào mục đích khác.

7. Được sử dụng hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ (nếu có) của Quỹ tín dụng nhân dân để thực hiện các nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

8. Chuẩn bị chương trình và triệu tập Đại hội thành viên bất thường khi có một trong các trường hợp sau:

a) Khi có hành vi vi phạm pháp luật, Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân và nghị quyết của Đại hội thành viên, Ban kiểm soát đã yêu cầu mà Hội đồng quản trị không thực hiện hoặc thực hiện không có kết quả các biện pháp ngăn chặn;

b) Khi Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội thành viên bất thường trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận đủ đơn của ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên cùng có đơn đề nghị triệu tập Đại hội thành viên.

9. Thông báo cho Hội đồng quản trị, báo cáo trước Đại hội thành viên và Ngân hàng Nhà nước về kết quả kiểm soát; kiến nghị với Hội đồng quản trị, Giám đốc khắc phục những yếu kém, những vi phạm trong hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân.”

18. Điều 36 sửa đổi như sau:

“Điều 36. Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ:

Các quy định về kiểm tra, kiểm soát nội bộ Quỹ tín dụng nhân dân được thực hiện theo quy định tại Mục 4 Chương II Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật.”

19. Điều 37 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 37. Huy động vốn

1. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân

và tổ chức tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được vay vốn của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương, vay vốn của các tổ chức tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước."

20. Điều 38 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 38. Hoạt động tín dụng

1. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở cho vay đối với thành viên và các hộ nghèo không phải là thành viên trong địa bàn hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở. Việc cho vay hộ nghèo thực hiện theo Điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân, nhưng tỷ lệ dư nợ cho vay đối với hộ nghèo so với tổng dư nợ không được vượt quá tỷ lệ do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được cho vay những khách hàng có gửi tiền tại Quỹ tín dụng nhân dân dưới hình thức cầm cố sổ tiền gửi do chính Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở đó phát hành.

2. Việc lập hồ sơ và thủ tục cho vay, xét duyệt cho vay, áp dụng bảo đảm tiền vay, kiểm tra việc sử dụng tiền vay, chấm dứt cho vay, xử lý nợ, điều chỉnh lãi suất và lưu giữ hồ sơ cho vay của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

3. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở thực hiện các hoạt động tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước."

21. Điều 39 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 39. Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ

1. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương và các tổ chức tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được thực hiện các dịch vụ thanh toán và ngân quỹ chủ yếu phục vụ các thành viên."

22. Điều 40 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 40. Các hoạt động khác

1. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được nhận ủy thác, làm đại lý và thực hiện các nghiệp vụ khác trong lĩnh vực hoạt động tiền tệ khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép."

23. Điều 41 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 41. Huy động vốn

1. Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương được nhận tiền gửi của tổ chức, cá nhân và tổ chức tín dụng khác.

2. Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương được phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và giấy tờ có giá khác để huy động vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

3. Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương được vay vốn trên thị trường tiền tệ trong nước, vay vốn của các tổ chức tín dụng nước ngoài và Ngân hàng Nhà nước theo quy định hiện hành.

4. Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương được thực hiện các hình thức huy động vốn khác khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cho phép.”

24. Điều 42 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 42. Hoạt động tín dụng

1. Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương cho vay vốn nhằm hỗ trợ, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở thành viên; việc cho vay các đối tượng khác thực hiện theo quy định của Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương và không được vượt quá tỷ lệ tối đa do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định.

2. Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương được thực hiện các nghiệp vụ chiết khấu, tái chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá khác; bảo lãnh ngân hàng và

các hình thức tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

3. Việc lập hồ sơ và thủ tục cho vay, xét duyệt cho vay, áp dụng bảo đảm tiền vay, kiểm tra việc sử dụng tiền vay, chấm dứt cho vay, xử lý nợ, điều chỉnh lãi suất và lưu giữ hồ sơ cho vay của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước”.

25. Điều 44 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 44. Các hoạt động khác

1. Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2. Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương được tham gia thị trường tiền tệ do Ngân hàng Nhà nước tổ chức, bao gồm thị trường đấu giá tín phiếu kho bạc, thị trường nội tệ và ngoại tệ liên ngân hàng, thị trường giấy tờ có giá khác; được kinh doanh ngoại hối khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép; được quyền ủy thác, nhận ủy thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng.

3. Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương được thực hiện dịch vụ tư vấn và các dịch vụ khác liên quan đến hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước”.

26. Điều 45 được sửa đổi như sau:

“Điều 45. Những trường hợp không được cho vay

Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở không được cho vay các đối tượng ngoài các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 38 và không được thực hiện các hoạt động tín dụng khác khi chưa được Ngân hàng Nhà nước cho phép theo quy định tại khoản 3 Điều 38 của Nghị định này.”

27. Điều 47 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 47. Giới hạn cho vay, bảo lãnh, chiết khấu

1. Tổng dư nợ cho vay đối với một khách hàng không được vượt quá 15% vốn tự có của Quỹ tín dụng nhân dân, giới hạn này không áp dụng đối với những khoản cho vay từ nguồn vốn ủy thác của các tổ chức, cá nhân khác và các khoản cho vay cầm cố bằng sổ tiền gửi do chính Quỹ tín dụng nhân dân đó phát hành.

2. Trường hợp nhu cầu vay vốn của khách hàng vượt quá quy định 15% vốn tự có của Quỹ tín dụng nhân dân thì Quỹ tín dụng nhân dân được cho vay hợp vốn theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

3. Mức bảo lãnh, chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá khác của Quỹ tín dụng nhân dân đối với một khách hàng không được vượt quá tỷ lệ

so với vốn tự có của Quỹ tín dụng nhân dân do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định.”

28. Điều 73 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 73. Ban hành mẫu hướng dẫn xây dựng Điều lệ

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm ban hành Mẫu hướng dẫn xây dựng Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.”

Điều 2.

1. Bãi bỏ các Điều 29, 30, 33, 34 và thay thế bằng các Điều 29, 30 như sau:

“Điều 29. Quỹ tín dụng nhân dân thành lập một bộ máy vừa quản lý vừa điều hành

1. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân;

b) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, thuê hoặc chấm dứt hợp đồng thuê kế toán trưởng (nếu Quỹ tín dụng nhân dân có chức danh này);

c) Quyết định cơ cấu tổ chức các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ của Quỹ tín dụng nhân dân;

d) Tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại hội thành viên;

đ) Chuẩn bị báo cáo về kế hoạch hoạt động kinh doanh và phân phối lãi của Quỹ tín dụng nhân dân, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội thành viên;

e) Chuẩn bị chương trình nghị sự của Đại hội thành viên và triệu tập Đại hội thành viên;

g) Xử lý các khoản cho vay không có khả năng thu hồi và những tổn thất khác theo quy định của pháp luật;

h) Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ tín dụng nhân dân; duyệt báo cáo quyết toán tài chính để trình Đại hội thành viên;

i) Tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại các Điều 7 và 8 của Nghị định này;

k) Xét kết nạp thành viên mới và giải quyết việc thành viên ra Quỹ tín dụng nhân dân (trừ trường hợp khai trừ thành viên) và báo cáo để Đại hội thành viên thông qua;

l) Đại diện chủ sở hữu tài sản của Quỹ tín dụng nhân dân và doanh nghiệp trực thuộc trong trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân có doanh nghiệp;

m) Kiểm tra đánh giá công việc của Giám đốc và các Phó Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân theo các quyết định của Hội đồng quản trị;

n) Chịu trách nhiệm về các quyết định

của mình trước Đại hội thành viên và trước pháp luật;

o) Các quyền và nhiệm vụ khác do Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân quy định.

2. Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Đại diện Quỹ tín dụng nhân dân theo pháp luật;

b) Thực hiện kế hoạch kinh doanh và điều hành các công việc hàng ngày của Quỹ tín dụng nhân dân;

c) Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân;

d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, phân công các chức danh trong Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Đại hội thành viên và Hội đồng quản trị;

đ) Ký kết các hợp đồng nhân danh Quỹ tín dụng nhân dân;

e) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng quản trị;

g) Đề nghị với Hội đồng quản trị về phương án bố trí cơ cấu tổ chức Quỹ tín dụng nhân dân;

h) Tuyển dụng lao động, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

i) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân, Nghị quyết Đại hội thành viên;

k) Chịu trách nhiệm trước Đại hội thành viên và Hội đồng quản trị về công việc được giao.

Khi vắng mặt, Giám đốc ủy quyền cho một Phó Giám đốc điều hành công việc của Quỹ tín dụng nhân dân.”

“Điều 30. Quỹ tín dụng nhân dân thành lập riêng bộ máy quản lý và bộ máy điều hành

1. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, thuê hoặc chấm dứt hợp đồng thuê Giám đốc theo nghị quyết của Đại hội thành viên;

b) Bổ nhiệm, miễn nhiệm các Phó Giám đốc theo đề nghị của Giám đốc.

Ngoài các quyền và nhiệm vụ trên đây, Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân còn có các quyền, nhiệm vụ quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 1 Điều 29 của Nghị định này.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Đại diện Quỹ tín dụng nhân dân theo pháp luật;

b) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

c) Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng quản trị;

d) Chịu trách nhiệm trước Đại hội thành viên và Hội đồng quản trị về công việc được giao;

đ) Ký các văn bản của Đại hội thành viên và Hội đồng quản trị;

e) Các quyền và nhiệm vụ khác do Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân quy định.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định chế độ làm việc chuyên trách hoặc không chuyên trách của Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

3. Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Ký kết các hợp đồng nhân danh Quỹ tín dụng nhân dân do Hội đồng quản trị ủy quyền;

b) Tuyển dụng lao động theo ủy quyền của Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân;

c) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân, Nghị quyết Đại hội thành viên hoặc theo hợp đồng ký kết với Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân;

d) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về công việc được giao.

Ngoài các quyền và nhiệm vụ trên đây, Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân

còn có các quyền và nhiệm vụ quy định tại các điểm b, c, e, g khoản 2 Điều 29 của Nghị định này.

Khi vắng mặt, Giám đốc ủy quyền cho một Phó Giám đốc điều hành công việc của Quỹ tín dụng nhân dân.

Trường hợp Giám đốc là thành viên của Quỹ tín dụng nhân dân hoặc thành viên Hội đồng quản trị thì ngoài việc phải thực hiện đầy đủ các quyền và nhiệm vụ của Giám đốc theo quy định tại Điều này, phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ của thành viên Quỹ tín dụng nhân dân hoặc thành viên Hội đồng quản trị.

Trường hợp Giám đốc được thuê thì phải thực hiện đầy đủ các quyền và nhiệm vụ của Giám đốc theo quy định tại Điều này và tại hợp đồng thuê Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân. Giám đốc được tham gia các cuộc họp của Hội

đồng quản trị và Đại hội thành viên nhưng không được quyền biểu quyết và không được hưởng các quyền khác của thành viên Quỹ tín dụng nhân dân hoặc thành viên Hội đồng quản trị.”

2. Bỏ cụm từ “cơ quan thuộc Chính phủ” tại Điều 65 và cụm từ “Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ” tại Điều 75.

Điều 3.

1. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn việc thực hiện Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải